

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 VÀ LŨY KẾ NĂM 2018



MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 01 - 02 |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 03 |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 04 |
| 4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 05 – 19 |
| 5. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu | 20 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.405.009.512.384 | 1.104.785.470.361 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 120.804.190.793 | 68.604.646.145 |
| 111 | 1. Tiền | | 120.804.190.793 | 68.604.646.145 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | - |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | - | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 669.561.549.303 | 359.465.662.905 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.2 | 655.773.938.636 | 344.613.015.862 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 10.711.405.406 | 11.233.039.559 |
| 133 | 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | | - | - |
| 135 | 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | - | - |
| 136 | 5. Phải thu ngắn hạn khác | | 4.093.494.756 | 4.636.896.979 |
| 137 | 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.3 | (1.017.289.495) | (1.017.289.495) |
| 139 | 7. Tài sản thiếu chờ xử lý | | - | - |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.4 | 590.255.867.862 | 628.606.090.441 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 590.255.867.862 | 628.606.090.441 |
| 142 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 24.387.904.426 | 48.109.070.870 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.5 | 3.972.911.190 | 2.130.842.652 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 20.005.831.568 | 45.471.583.573 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.14 | 409.161.668 | 506.644.645 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 412.067.865.350 | 371.403.741.768 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 22.000.000 | 22.000.000 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | | - | - |
| 216 | 2. Phải thu dài hạn khác | | 22.000.000 | 22.000.000 |
| 219 | 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | - | - |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 359.666.339.889 | 308.367.851.106 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.6 | 345.150.122.958 | 292.910.887.599 |
| 222 | - Nguyên giá | | 421.035.249.194 | 350.715.072.407 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (75.885.126.236) | (57.804.184.808) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.7 | 14.516.216.931 | 15.456.963.507 |
| 228 | - Nguyên giá | | 17.469.936.169 | 17.469.936.169 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (2.953.719.238) | (2.012.972.662) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | - | - |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | - |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | - | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 52.379.525.461 | 63.013.890.662 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.5 | 3.640.833.275 | 7.856.202.409 |
| 269 | 2. Lợi thế thương mại | V.8 | 48.738.692.186 | 55.157.688.253 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.817.077.377.734 | 1.476.189.212.129 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

V.9
V.10
V.11

V.12

V.13

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 1.364.289.063.681 | 1.086.600.456.155 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 1.360.784.191.569 | 1.082.926.983.296 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.9 | 221.200.767.528 | 99.627.973.845 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.10 | 109.002.185.530 | 75.963.469.621 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.11 | 9.583.819.800 | 6.862.759.354 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 13.250.613.873 | 5.292.213.856 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 1.917.503.716 | 401.612.546 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | | 7.565.314.544 | 9.534.210.847 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.12 | 998.263.986.578 | 885.244.743.227 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | - | - |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 3.504.872.112 | 3.673.472.859 |
| 341 | 1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | 3.504.872.112 | 3.673.472.859 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 452.788.314.053 | 389.588.755.974 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.13 | 452.788.314.053 | 389.588.755.974 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 350.133.990.000 | 233.424.330.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 350.133.990.000 | 233.424.330.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | - | 63.704.711.919 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | - | 4.249.042.783 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 99.166.429.262 | 84.365.186.450 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 595.632.652 | 96.692.499 |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 98.570.796.610 | 84.268.493.951 |
| 429 | 5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | 3.487.894.791 | 3.845.484.822 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 431 | 1. Nguồn kinh phí | | - | - |
| 432 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.817.077.377.734 | 1.476.189.212.129 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ...18... tháng ...01... năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

ĐỖ TIÊN DŨNG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

P/V: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý 4 năm | | Năm | |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | | | 2018 | 2017 | 2018 | 2017 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 1.475.103.104.249 | 1.074.271.751.882 | 4.756.006.125.845 | 3.835.125.925.481 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - | 1.626.363.636 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.1 | 1.475.103.104.249 | 1.074.271.751.882 | 4.756.006.125.845 | 3.833.499.561.845 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 1.411.215.278.798 | 1.033.304.921.690 | 4.525.914.913.017 | 3.687.756.411.213 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 63.887.825.451 | 40.966.830.192 | 230.091.212.828 | 145.743.150.632 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 102.774.808 | 14.645.742 | 477.473.239 | 193.430.502 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 10.935.254.385 | 11.551.994.899 | 42.703.705.915 | 35.823.219.641 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 10.731.003.010 | 11.964.036.849 | 42.446.619.968 | 36.212.914.515 |
| 8. Phần tài hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | - | - | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 32.673.221.758 | 19.676.061.689 | 109.286.542.118 | 83.688.098.362 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 14.972.485.208 | 9.856.749.690 | 51.860.657.220 | 40.991.483.373 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 5.409.638.908 | (103.330.344) | 26.717.780.814 | (14.566.220.242) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 40.040.999.433 | 33.000.964.201 | 100.005.018.475 | 125.485.399.681 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 1.987.671.034 | 648.080.650 | 2.135.844.158 | 727.476.314 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 38.053.328.399 | 32.352.883.551 | 97.869.174.317 | 124.757.923.367 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 43.462.967.307 | 32.249.553.207 | 124.586.955.131 | 110.191.703.125 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 6.8 | 9.205.324.071 | 6.658.623.824 | 26.542.348.315 | 23.491.444.783 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (168.600.747) | (373.364.468) | (168.600.747) | 2.352.441.630 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 34.426.243.983 | 25.964.293.850 | 98.213.207.563 | 84.347.816.711 |
| 19. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | | 34.479.039.269 | 25.777.214.362 | 98.570.797.594 | 84.268.493.951 |
| 20. Lợi ích của cổ đông kiểm soát | 60 | | (52.795.286) | 187.079.488 | (357.590.031) | 79.332.761 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 985 | 1.104 | 2.815 | 3.610 |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | 985 | 736 | 2.815 | 2.407 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18... tháng 01... năm 2019

Trưởng Giám đốc

NGUYỄN THỊ THÀNH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỄN

Bảo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 124.586.955.131 | 110.191.703.125 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 76.201.449.207 | 57.531.380.059 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | | 39.785.315.120 | 28.776.856.141 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | - | - |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | - | - |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (6.030.485.881) | (7.458.390.597) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 42.446.619.968 | 36.212.914.515 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 200.788.404.338 | 167.723.083.184 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (284.532.651.416) | (176.584.375.774) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 38.350.222.579 | (238.963.531.190) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | 162.007.653.675 | (21.286.696.745) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 8.792.296.663 | 2.304.102.186 |
| 13 | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (42.446.619.968) | (36.212.914.515) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (23.965.948.068) | (21.116.068.482) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | - | (13.260.748) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 58.993.357.803 | (324.149.662.084) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (356.054.019.044) | (390.437.985.358) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 270.523.227.783 | 191.998.378.274 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | 3.000.000.000 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 477.473.239 | 193.430.502 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (85.053.318.022) | (195.246.176.582) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | - |
| 32 | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 33 | 3. Tiền thu từ đi vay | | 4.923.947.897.964 | 4.063.964.096.653 |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | | (4.810.928.654.613) | (3.516.551.580.507) |
| 35 | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | - | - |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (34.759.738.484) | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 78.259.504.867 | 547.412.516.146 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | | 52.199.544.648 | 28.016.677.480 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 68.604.646.145 | 40.587.968.665 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | V.1 | 120.804.190.793 | 68.604.646.145 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG
Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chínhHOÀNG THỊ MINH NGUYỆT
ĐÓNG CHỮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn trong kỳ.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 02 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty.

Công ty con bao gồm:

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|---|--|---|---------------|------------------------|---------------|
| 1. Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ | 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ | Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe | 76,20% | 76,20% | 76,20% |
| 2. Công ty CP Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM | 256 Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội | Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe | 92,72% | 92,72% | 92,72% |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 537 nhân viên, tại ngày đầu năm có 535 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 06 – 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 10 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 03 – 10 |

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| - Tiền mặt | 25.295.885.028 | 17.475.544.910 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 95.508.305.765 | 51.129.101.235 |
| Cộng | 120.804.190.793 | 68.604.646.145 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 655.773.938.636 | 344.613.015.862 |
| - Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam | 253.170.123.878 | 166.903.868.433 |
| - Các khách hàng khác | 402.603.814.758 | 177.709.147.429 |
| Cộng | 655.773.938.636 | 344.613.015.862 |

3. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|----------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Phải thu thương mại</i> | | | | | | |
| - Các đối tượng khác | Trên 3 năm | 1.060.164.875 | 42.875.380 | Trên 3 năm | 1.060.164.875 | 42.875.380 |
| Cộng | | 1.060.164.875 | 42.875.380 | | 1.060.164.875 | 42.875.380 |

4. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Hàng mua đang đi đường | 4.057.675 | - | - | - |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 55.385.051.823 | - | 50.352.037.886 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | 206.279.000 | - | 86.289.000 | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 10.395.866.239 | - | 11.915.610.937 | - |
| - Hàng hóa | 524.264.613.125 | - | 566.252.152.618 | - |
| Cộng | 590.255.867.862 | - | 628.606.090.441 | - |

5. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, khác có thời gian dưới 12 tháng.

5b. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, khác có thời gian từ 12 tháng trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 87.833.755.946 | 24.754.783.869 | 232.681.872.499 | 3.550.488.635 | 1.894.171.458 | 350.715.072.407 |
| Mua trong năm | 2.570.953.289 | 1.155.808.910 | 482.403.684.482 | 714.097.481 | 418.543.326 | 487.263.087.488 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (416.779.274.336) | - | - | (416.779.274.336) |
| Số cuối năm | 90.404.709.235 | 25.910.592.779 | 298.142.646.280 | 4.264.586.116 | 2.312.714.784 | 421.035.249.194 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 13.270.376.576 | 9.061.532.440 | 400.971.018 | 1.080.528.303 | 135.523.803 | 23.948.932.140 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 33.215.689.336 | 14.061.475.115 | 6.605.610.826 | 3.029.165.886 | 892.243.645 | 57.804.184.808 |
| Khấu hao trong năm | 8.975.112.321 | 2.907.929.655 | 25.818.570.013 | 727.750.855 | 415.205.700 | 38.844.568.544 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (20.763.627.116) | - | - | (20.763.627.116) |
| Số cuối năm | 42.190.801.657 | 16.969.404.770 | 11.660.553.723 | 3.756.916.741 | 1.307.449.345 | 75.885.126.236 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 54.618.066.610 | 10.693.308.754 | 226.076.261.673 | 521.322.749 | 1.001.927.813 | 292.910.887.599 |
| Số cuối năm | 48.213.907.578 | 8.941.188.009 | 286.482.092.557 | 507.669.375 | 1.005.265.439 | 345.150.122.958 |

7. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất lâu dài | Quyền sử dụng đất có thời hạn | Phần mềm | Cộng |
|---------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 8.848.836.800 | 2.797.580.000 | 5.823.519.369 | 17.469.936.169 |
| Mua trong năm | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 8.848.836.800 | 2.797.580.000 | 5.823.519.369 | 17.469.936.169 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 627.099.480 | 627.099.480 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | - | 568.841.265 | 1.444.131.397 | 2.012.972.662 |
| Khấu hao trong năm | - | 55.951.596 | 884.794.980 | 940.746.576 |
| Số cuối năm | - | 624.792.861 | 2.328.926.377 | 2.953.719.238 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 8.848.836.800 | 2.228.738.735 | 4.379.387.972 | 15.456.963.507 |
| Số cuối năm | 8.848.836.800 | 2.172.787.139 | 3.494.592.992 | 14.516.216.931 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con

| | Số đầu năm | Tăng trong kỳ | Phân bổ trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------------|-----------------------|---------------|------------------------|-----------------------|
| - Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM | 55.027.555.695 | - | (6.288.863.509) | 48.738.692.186 |
| - Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ | 130.132.558 | - | (130.132.558) | - |
| Cộng | 55.157.688.253 | - | (6.418.996.067) | 48.738.692.186 |

9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 221.200.767.528 | 99.627.973.845 |
| - Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam | 212.369.014.058 | 92.177.358.079 |
| - Các nhà cung cấp khác | 8.831.753.470 | 7.450.615.766 |
| Cộng | 221.200.767.528 | 99.627.973.845 |

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số cuối năm | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Phải nộp | Phải thu |
| - Thuế GTGT hàng bán nội địa | 162.208.771 | (18.741.677) | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.628.923.824 | (61.068.876) | 9.205.324.071 | 61.068.876 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 71.626.759 | - | 378.495.729 | - |
| - Thuế nhà đất, thuế đất | - | (426.834.092) | - | 348.092.792 |
| - Khoản thuế khác | - | - | - | - |
| Cộng | 6.862.759.354 | (506.644.645) | 9.583.819.800 | 409.161.668 |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| Chỉ tiêu | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 124.586.955.131 | 110.191.703.125 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 10.048.501.059 | 10.818.932.942 |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ | 695.902.194 | 415.731.164 |
| + Các chi phí phát sinh từ hợp nhất | 7.262.000.785 | 9.529.197.406 |
| + Lỗ trong năm của các công ty con | 2.090.599.062 | 874.004.372 |
| Thu nhập chịu thuế | 134.635.456.190 | 121.010.636.067 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗ các năm trước được chuyển sang từ các công ty con | (1.923.714.615) | (3.866.595.520) |
| Thu nhập tính thuế | 132.711.741.575 | 117.144.040.547 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | 26.542.348.315 | 23.428.808.109 |
| <i>Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước</i> | - | 62.636.674 |
| Tổng Thuế TNDN phải nộp | 26.542.348.315 | 23.491.444.783 |

12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 998.263.986.578 | 998.263.986.578 | 885.244.743.227 | 885.244.743.227 |
| Cộng | 998.263.986.578 | 998.263.986.578 | 885.244.743.227 | 885.244.743.227 |

13. Vốn chủ sở hữu**13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

13b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| | Vốn cổ phần thường | Tỷ lệ (%) | Vốn cổ phần thường | Tỷ lệ (%) |
| - Ông Đỗ Tiến Dũng | 83.528.340.000 | 23,86 | 50.685.560.000 | 21,71 |
| - Bà Vũ Thị Hạnh | 54.530.960.000 | 15,57 | 29.687.310.000 | 12,72 |
| - Các cổ đông khác | 212.074.690.000 | 60,57 | 153.051.460.000 | 65,57 |
| Cộng | 350.133.990.000 | 100,00 | 233.424.330.000 | 100,00 |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Vốn điều lệ đã góp | Vốn điều lệ còn phải góp |
|-------------|---|------------------------|--------------------------|
| | 350.133.990.000 | 350.133.990.000 | - |
| Cộng | 350.133.990.000 | 350.133.990.000 | - |

13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm này | Năm trước |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 233.424.330.000 | 142.315.340.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | 116.709.660.000 | 91.108.990.000 |
| + Vốn góp cuối năm | 350.133.990.000 | 233.424.330.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 151.723.309.486 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13d. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 35.013.399 | 23.342.433 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 35.013.399 | 23.342.433 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 35.013.399 | 23.342.433 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 35.013.399 | 23.342.433 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP. | | |

13e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| - Doanh thu kinh doanh xe | 4.430.680.830.173 | 3.606.108.006.856 |
| - Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng | 301.641.211.125 | 221.217.169.609 |
| - Doanh thu hoa hồng bảo hiểm và khác | 23.684.084.547 | 7.800.749.016 |
| Cộng | <u>4.756.006.125.845</u> | <u>3.835.125.925.481</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| - Giá vốn kinh doanh xe | 4.236.981.508.873 | 3.492.563.878.507 |
| - Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng | 265.085.640.017 | 188.204.738.077 |
| - Giá vốn hoạt động hoa hồng bảo hiểm và khác | 23.847.764.127 | 6.987.794.629 |
| Cộng | <u>4.525.914.913.017</u> | <u>3.687.756.411.213</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn.

4. Chi phí tài chính

Chủ yếu là chi phí lãi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 44.300.754.646 | 30.541.956.408 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 20.897.710.611 | 16.288.416.764 |
| - Chi phí dịch vụ thuê ngoài | 23.349.526.161 | 17.548.063.219 |
| - Các chi phí khác | 20.738.550.700 | 19.327.661.971 |
| Cộng | <u>109.286.542.118</u> | <u>83.688.098.362</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 24.989.959.804 | 17.759.006.551 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.270.674.117 | 5.718.013.861 |
| - Chi phí lợi thế thương mại | 6.418.996.067 | 6.808.257.682 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.206.591.325 | 970.123.353 |
| - Các chi phí khác | 12.974.435.907 | 9.736.081.926 |
| Cộng | <u>51.860.657.220</u> | <u>40.991.483.373</u> |

7. Thu nhập khác

Chủ yếu là khoản thưởng đạt chỉ tiêu theo chương trình của Mercedes Benz Việt Nam

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| - Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 26.542.348.315 | 23.428.808.109 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | - | 62.636.674 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>26.542.348.315</u> | <u>23.491.444.783</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 98.213.207.563 | 84.347.816.711 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 357.590.031 | (79.322.761) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 98.570.797.594 | 84.268.493.951 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP) | 35.013.399 | 23.342.433 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP) | <u>2.815</u> | <u>3.610</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 98.213.207.563 | 84.347.816.711 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 357.590.031 | (79.322.761) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 98.570.797.594 | 84.268.493.951 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP) | 35.013.399 | 23.342.433 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP) | - | 11.671.217 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP) | <u>2.815</u> | <u>2.407</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|----------------|------------------|
| - Lương và thu nhập khác | 4.233.751.567 | 3.276.440.000 |

3. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xe Ô tô – nhãn hiệu Mercedes Benz.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

ĐỖ TIÊN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Chi tiêu | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*) | Cộng |
|---|---------------------------|-----------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|---|-------------------|
| | A | 1 | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm trước | | 142.315.340.000 | 63.704.711.919 | 7.686.197.246 | 87.768.528.036 | 3.766.162.062 | 305.240.939.263 |
| 2. Tăng trong năm trước | | 91.108.990.000 | - | - | 84.268.493.951 | 79.322.760 | 175.456.806.711 |
| - Lãi trong năm | | - | - | - | 84.268.493.951 | 79.322.760 | 84.347.816.711 |
| - Bổ sung từ lợi nhuận | | 87.671.835.537 | - | - | - | - | 87.671.835.537 |
| - Bổ sung từ Quy đầu tư phát triển | | 3.437.154.463 | - | - | - | - | 3.437.154.463 |
| 3. Giảm trong năm trước | | - | - | (3.437.154.463) | (87.671.835.537) | - | (91.108.990.000) |
| - Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu | | - | - | (3.437.154.463) | (87.671.835.537) | - | (91.108.990.000) |
| 4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay | | 233.424.330.000 | 63.704.711.919 | 4.249.042.783 | 84.365.186.450 | 3.845.484.822 | 389.588.755.974 |
| Tăng trong năm | | 116.709.660.000 | - | - | 98.570.797.594 | (357.590.031) | 214.922.867.563 |
| - Lãi trong năm nay | | - | - | - | 98.570.797.594 | (357.590.031) | 98.213.207.563 |
| - Bổ sung từ chia cổ tức bằng cổ phiếu | | 116.709.660.000 | - | - | - | - | 116.709.660.000 |
| Giảm trong năm | | - | (63.704.711.919) | (4.249.042.783) | (83.769.554.782) | - | (151.723.309.484) |
| - Chia cổ tức (bằng tiền) | | - | - | - | (35.013.649.484) | - | (35.013.649.484) |
| - Chia cổ tức (bằng cổ phiếu) | | - | (63.704.711.919) | (4.249.042.783) | (48.755.905.298) | - | (116.709.660.000) |
| Tại ngày 31/12/2018 | | 350.133.990.000 | - | - | 99.166.429.262 | 3.487.894.791 | 452.788.314.053 |

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Tp. Hồ Chí Minh, ngày .../... tháng .../... năm 2019

Lương Giám đốc

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG
 Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

HOÀNG THỊ MINH NGUYỄN

